TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH KIÊN GIANG** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2019/DSST
Ngày 27/3/2019
V/v "*T/c hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Ái**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Văn Hải**

Bà **Phạm Thị Thu Trang**

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà **Trần Huỳnh Thiên Ân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Trần Đức Tuyên** – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST-DS ngày 02/01/2018 về vụ kiện "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-DS ngày 15/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Cẩm H**, sinh năm 1975 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp 9, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị **Lê Thị Trúc M**, sinh năm 1971 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Cẩm H trình bày:***

Trước đây chị Lê Thị Trúc M có vay tiền của chị H nhiều lần, ngày 15/10/2016 chị M và chị H có tính toán lại với nhau thì số tiền chị M còn nợ của chị H là 85.000.000 đồng và chị M hẹn qua tết sẽ trả tiền cho chị H, khi làm biên nhận do chị M không biết viết chữ nên chị H viết và chị M gạch thập xác nhận vào biên nhận còn nợ chị H

85.000.000 đồng. Đến hẹn trả tiền chị M không thực hiện, chị H có gặp chị M yêu cầu trả tiền nhưng chị M chỉ hứa hẹn mà không trả.

Nay chị M cho rằng chỉ còn nợ chị H số tiền là 45.000.000 đồng và chị H thấy chị M hoàn cảnh khó khăn, bị nhiều người khác dựt nợ nên chị H thay đổi yêu cầu khởi kiện, chị H chỉ yêu cầu chị M trả cho chị H số tiền là 45.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi và yêu cầu trả đủ một lần.

**** Bị đơn chị Lê Thị Trúc M trình bày:***

Trước đây khoảng tháng 8 năm 2015 chị M có vay tiền của chị H nhiều lần tổng số tiền vay là 75.000.000 đồng, sau khi vay tiền thì chị M có trả cho chị H nhiều lần được số tiền là 30.000.000 đồng và hiện nay chị M còn nợ của chị H số tiền là 45.000.000 đồng, chị M xin trả dần cho chị H mỗi tháng là 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ vì hiện nay hoàn cảnh của chị M rất khó khăn về kinh tế.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp phát biểu ý kiến:*** Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm khoản 1 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hiệp đề nghị: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm H buộc chị Lê Thị Trúc M phải trả cho chị H số tiền là 45.000.000đồng, về lãi suất chị H không yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa chị Phạm Thị Cẩm H và chị Lê Thị Trúc M là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, chị H chỉ yêu cầu chị M trả số tiền là 45.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện và Tòa án chỉ thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền thay đổi yêu cầu của mình. Việc thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu của chị H yêu cầu chị M trả số tiền còn thiếu là 45.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy chị H và chị M thống nhất hiện nay chị M còn nợ của chị H số tiền là 45.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là sự thật.

[4] Xét yêu cầu của chị M xin được trả dần số tiền còn nợ cho chị H mỗi tháng 500.000 đồng không được chị H chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

Hội đồng xét xử thống nhất buộc chị M phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền là 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng)* là phù hợp với quy định của pháp luật.

Chị H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật và có cơ sở chấp nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Giá trị tài sản tranh chấp là: 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*)

Án phí tính như sau: 45.000.000 đồng x 5% = 2.250.000 đồng (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

- Yêu cầu của chị H được chấp nhận nên chị H không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền tạm ứng án phí là 2.125.000 đồng (*Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007726 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc chị M phải nộp 2.250.000 đồng (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 26, 35, 91, 92, 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Cẩm H về việc yêu cầu chị Lê Thị Trúc M trả số tiền còn nợ là 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

2. Buộc chị Lê Thị Trúc M có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền là 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Hoàn trả cho chị Phạm Thị Cẩm H số tiền tạm ứng án phí 2.125.000 đồng (*Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) đã nộp theo lai thu số 0007726 ngày 02/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- Buộc chị Lê Thị Trúc M phải nộp 2.250.000 đồng (*Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng*).

Trường hợp bản án quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKS nhân dân huyện H;*
- *Chi cục THA huyện H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Ngọc Ái